

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/KDTM-ST
Ngày: 30 / 9 / 2020
“V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Chí Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ly;
2. Ông Ngô Văn Được.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Lắm, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Tôn Văn Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2020/TLST-KDTM ngày 21 tháng 01 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 442/2020/QĐXXST-KDTM ngày 11 tháng 8 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 425/2020/QĐST-KDTM ngày 04 tháng 9 năm 2020 và Thông báo số 69/TB-TA ngày 10/9/2020 về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại N (sau đây được viết tắt là Công ty N); địa chỉ: số A, đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

- Ông Lê Thanh T, sinh năm 1993; địa chỉ: số B, khu Tái định cư xã M, xã M, huyện P, thành phố Cần Thơ; chức vụ: Giám đốc Công ty N; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

- Bà Trần Thị Kim T1, sinh năm 1990; địa chỉ: ấp K, xã K, huyện C, tỉnh An Giang; là người đại diện theo ủy quyền; theo giấy ủy quyền của người đại

diện theo pháp luật của Công ty N, được Văn phòng công chứng Huỳnh Thị N chứng nhận ngày 18/02/2020; có mặt.

Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn bảo vệ thực vật V (sau đây được viết tắt là Công ty V); địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Diệp Quốc T, sinh năm 1995; địa chỉ: ấp A, xã K, huyện A, tỉnh An Giang; chức vụ: Giám đốc Công ty V; là người đại diện theo pháp luật; vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Tổng Thanh G, sinh năm 1987; địa chỉ: ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Ông Tổng Văn C, sinh năm 1950; địa chỉ: số C, tổ C, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

- Bà Phan Thị M, sinh năm 1952; địa chỉ: số C, tổ C, ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, thông qua việc tìm hiểu thông tin về Công ty N trên mạng internet, ông G, với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Công ty V, đã nhiều lần gặp ông Lê Thanh T thỏa thuận việc mua thuốc bảo vệ thực vật của Công ty N. Đến ngày 19/5/2018, ông G trực tiếp đến trụ sở Công ty N gặp ông T ký hợp đồng mua bán số 09/HĐKT/SGP-2018. Theo đó, Công ty N bán cho Công ty V 250 tấn phân bón DAP hạt đen với giá 540.000 đồng/bao (50kg). Bên cạnh đó, khi thỏa thuận mua bán, ông T có đề cập đến việc Công ty N có bán thuốc trừ sâu Vua diệt nhện, Vua sâu rầy rệp và Promathon nên ông G, với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Công ty V, có mua thêm 03 loại hàng này để bán.

Trong ngày 19/5/2018, Công ty N đã giao cho Công ty V số lượng hàng tổng trị giá là 285.540.000 đồng, gồm 4 loại sản phẩm: Phân bón DAP 25 tấn; Vua diệt nhện 100ml- 01 thùng, Vua sâu rầy rệp 450ml – 01 thùng; Promathon 15ml – 01 thùng, tại huyện C, tỉnh An Giang. Khi đó, ông G trực tiếp ký nhận vào Phiếu xuất kho ngày 19/5/2018 và điều xe nhận hàng do Công ty N giao tại khu vực phà A. Theo thỏa thuận, Công ty V phải thanh toán cho Công ty N trong hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hàng. Tuy nhiên, khi đến hạn, ông T yêu cầu thanh toán thì ông G cứ hẹn gia hạn kéo dài khoảng 04 tháng sau thì ông T không còn liên lạc với ông G được nữa. Cho đến nay, Công ty V vẫn chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty N.

Vì vậy, Công ty N yêu cầu Công ty V và ông Tổng Thanh G thanh toán số tiền hàng còn nợ 285.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên mã số doanh nghiệp 1602047871 và 1702124777 (bản photo); Phiếu xuất kho ngày 19/5/2018 (bản photo); Hợp đồng mua bán ngày 19/5/2018 (bản photo); Tờ tự khai của ông Lê Thanh T ngày 13/11/2019; Tờ tự khai của bà Trần Thị Kim T1 ngày 24/02/2020.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Thanh G vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

- Theo lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Văn C, bà Phan Thị M trình bày, trước đây, ông Tống Thanh G (con của ông C, bà M) có cùng với bà Diệp Thị T thành lập Công ty V, có trụ sở chính tại ấp L, xã L, huyện C, tỉnh An Giang. Để thuận lợi trong việc mua bán thuốc bảo vệ thực vật, ông G, bà T lấy tên của bà M đặt bảng hiệu mua bán với tên “Cửa hàng Hai M”. Thực chất Cửa hàng Hai M là Công ty V. Công ty V chỉ kinh doanh được khoảng hơn 1 năm (khoảng nửa cuối năm 2018) thì ngưng do kinh doanh không hiệu quả. Từ khi Công ty V thành lập, ông C, bà M có tham gia phụ giúp ông G, bà T trong việc mua bán thuốc bảo vệ thực vật. Vợ chồng ông C, bà M không tham gia cùng Công ty V mua bán thuốc bảo vệ thực vật với Công ty N. Cho nên, ông C, bà M không biết khoản nợ này.

Tại phiên tòa,

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày ý kiến như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử. Đồng thời, yêu cầu Công ty V và ông G thanh toán số tiền hàng còn nợ 285.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn Công ty V có bà Diệp Quốc T là người đại diện theo pháp luật, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Thanh G, ông Tống Văn C, bà Phan Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, ông G, ông C, bà M là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về hướng giải quyết vụ án:

Hợp đồng mua bán tài sản giữa Công ty N với Công ty V được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được lập thành văn bản. Ông Tổng Thanh G có ký nhận hàng gồm: phân bón DAP - 25 tấn; Vua Diệt Nhện 100ml - 01 tấn; Vua Sâu Rầy Rệp 450ml - 01 tấn; Promathon 15ml - 01 tấn theo phiếu xuất kho ngày 19/5/2018 của Công ty N, trị giá 285.540.000 đồng. Ông C, bà M xác nhận ông G có cùng T thành lập Công ty V. Cho nên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật dân sự, Điều 50 Luật thương mại công nhận hợp đồng mua bán giữa Công ty N với Công ty V.

Do Công ty V vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty N khởi kiện yêu cầu Công ty V trả 285.540.000 đồng là có căn cứ. Việc Công ty N yêu cầu ông G liên đới cùng Công ty V trả nợ là không có cơ sở, bởi vì, ông G ký nhận hàng với tư cách đại diện của Công ty V.

Về tiền lãi chậm thanh toán, Công ty N yêu cầu tính lãi phát sinh trên số tiền nợ chậm thanh toán theo quy định pháp luật kể từ ngày 29/5/2018 đến khi xét xử sơ thẩm. Do phía Công ty V chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty N nên Công ty N yêu cầu tính lãi chậm thanh toán là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự, Điều 306 Luật thương mại.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 357, 430, 440 Bộ luật dân sự; các Điều 50, 306 Luật thương mại, chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty N; buộc Công ty V trả cho Công ty N 285.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chậm thanh toán theo quy định pháp luật kể từ ngày 29/5/2018 cho ngày xét xử sơ thẩm; không chấp nhận yêu cầu của Công ty N buộc ông G liên đới cùng Công ty V trả số tiền 285.540.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

**** Về tố tụng:***

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Công ty N khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tổng Thanh G liên đới trả số nợ mua bán phân bón, thuốc trừ sâu. Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Tuy nhiên, khi thụ lý vụ án, Tòa án xác định “tranh chấp về hợp đồng dân sự mua bán tài sản” là chưa chính xác. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Điều 24 Luật Thương mại năm 2005.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty N khởi kiện yêu cầu bị đơn Công ty V và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tổng Thanh G trả nợ mua bán. Công ty V có địa chỉ trụ sở đóng trên địa bàn huyện C nên yêu cầu kiện của Công ty N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về sự vắng mặt của đương sự*: Trước khi phiên tòa được mở, người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Thanh G, ông Tống Văn C, bà Phan Thị M đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[4] Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán tài sản:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, vào ngày 19/5/2018, Công ty N và Công ty V ký hợp đồng mua bán số 09/HĐKT/SGP-2018. Ông Tống Thanh G là người đại diện theo ủy quyền của Công ty V ký hợp đồng. Theo đó, Công ty N bán cho Công ty V 250 tấn phân bón DAP hạt đen với giá 540.000 đồng/bao (50kg). Đồng thời, ông G, với tư cách người đại diện theo ủy quyền của Công ty V, còn mua thêm của Công ty N bán thuốc trừ sâu Vua diệt nhện, Vua sâu rầy rệp và Promathon để bán. Trong ngày 19/5/2018, Công ty N đã giao cho Công ty V số lượng hàng tổng trị giá là 285.540.000 đồng, gồm 4 loại sản phẩm: Phân bón DAP 25 tấn; Vua diệt nhện 100ml- 01 thùng, Vua sâu rầy rệp 450ml – 01 thùng; Promathon 15ml – 01 thùng, tại huyện C, tỉnh An Giang, do ông G trực tiếp ký nhận hàng hóa. Theo thỏa thuận, Công ty V phải thanh toán cho Công ty N trong hạn 03 ngày kể từ ngày nhận hàng nhưng cho đến nay, Công ty V vẫn chưa thanh toán tiền hàng cho Công ty N.

Lời khai của người đại diện hợp pháp của Công ty N phù hợp với nội dung hợp đồng mua bán số 09/HĐKT/SGP-2018 ngày 19/5/2018 giữa bên bán Công ty N với bên mua Công ty V và Phiếu xuất kho ngày 19/5/2018 thể hiện các loại hàng hóa mà Công ty N đã giao với tổng giá trị 285.540.000 đồng.

Bên cạnh đó, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án ban hành Thông báo số 17/TB-TA ngày 13/7/2020, Thông báo số 18/TB-TA ngày 13/7/2020 yêu cầu người đại diện theo pháp luật của bị đơn, ông G cung cấp lời khai và giao nộp, bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến nội dung sự việc và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bà T, ông G không thực hiện.

Vì vậy, có căn cứ xác định Công ty V có mua của Công ty N 4 sản phẩm gồm: phân bón DAP, Vua diệt nhện 100ml, Vua sâu rầy rệp 450ml và Promathon 15ml với tổng số tiền 285.540.000 đồng nhưng chưa thanh toán.

[5] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Công ty N yêu cầu Công ty V, ông G thanh toán số tiền hàng còn nợ 285.540.000 đồng và tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ chậm thanh toán theo quy định của pháp luật kể từ ngày 29/5/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

Do Công ty V vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty N khởi kiện yêu cầu trả nợ là phù hợp với quy định tại Điều 50 Luật Thương mại năm 2005.

Về yêu cầu tính lãi, do Công ty V chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Công ty N yêu cầu trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là phù hợp với quy định tại Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Theo mức lãi suất nợ quá hạn của các Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ, Ngân hàng Thương mại cổ phần C, Ngân hàng Thương mại cổ phần A có Phòng giao dịch tại huyện C công bố ngày 30/9/2019, mức lãi suất nợ quá hạn trung bình đối với khoản vay tương ứng trên thị trường là 16,35%/năm (1,36%/tháng). Cho nên, Công ty V phải thanh toán lãi chậm trả là:

$$285.540.000 \text{ đồng} \times 28,03 \text{ tháng} \times 1,36\%/tháng = 108.850.132 \text{ đồng}.$$

Tổng số nợ mà Công ty V phải thanh toán cho Công ty N đến ngày 30/9/2020 là:

$$285.540.000 \text{ đồng} + 108.850.132 \text{ đồng} = 394.390.132 \text{ đồng}.$$

Về yêu cầu liên đới, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cho rằng, Công ty N bán hàng hóa cho Công ty V. Khi thỏa thuận với ông T và ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa, cũng như thỏa thuận mua thêm thuốc trừ sâu Vua diệt nhện, Vua sâu rầy rệp và Promathon của Công ty N, ông G tự xưng là người đại diện theo ủy quyền của Công ty V. Hợp đồng mua bán số 09/HĐKT/SGP-2018 ngày 19/5/2018 cũng thể hiện bên mua là Công ty V. Bên cạnh đó, người đại diện hợp pháp của Công ty N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nghĩa vụ liên đới của ông G đối với khoản nợ mua bán mà Công ty V còn nợ.

Vì vậy, chấp nhận một phần yêu cầu của Công ty N; buộc Công ty V trả cho Công ty N số nợ mua bán 394.390.132 đồng; không chấp nhận yêu cầu của Công ty N về việc buộc ông G liên đới cùng Công ty V trả nợ mua bán.

[6] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty V phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đối với số tiền phải thanh toán cho Công ty N là 19.719.500 đồng.

Công ty N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; hoàn lại cho Công ty N số tiền tạm ứng án phí 7.138.000 đồng mà Công ty N đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 24, 50, 55, 306 của Luật Thương mại năm 2005; các Điều 147, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại N.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn bảo vệ thực vật V trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại N số nợ mua bán 394.390.132 *(ba trăm chín mươi bốn triệu, ba trăm chín mươi nghìn, một trăm ba mươi hai) đồng.*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại N về việc yêu cầu ông Tổng Thanh G liên đới cùng Công ty Trách nhiệm hữu hạn bảo vệ thực vật V trả nợ mua bán.

3. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Trách nhiệm hữu hạn bảo vệ thực vật V phải chịu 19.719.500 *(mười chín triệu, bảy trăm mười chín nghìn, năm trăm) đồng* án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại N số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.138.000 *(bảy triệu, một trăm ba mươi tám nghìn) đồng* theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0007919 ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Thương mại N có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của Công ty Trách nhiệm hữu hạn bảo vệ thực vật V, ông Tổng Thanh G, ông Tổng Văn C, bà Phan Thị M được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. C;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Thái Chí Bình

